

# 动物

dòngwù



熊 xióng



# 熊猫 xióngmāo





# 驼鹿 tuólù



# 狐狸 húlí



# 鹿 lù





# 松鼠 sōngshǔ



# 刺猬 cìwèi





# 兔子 tùzi



# 狼 láng



狗 gǒu





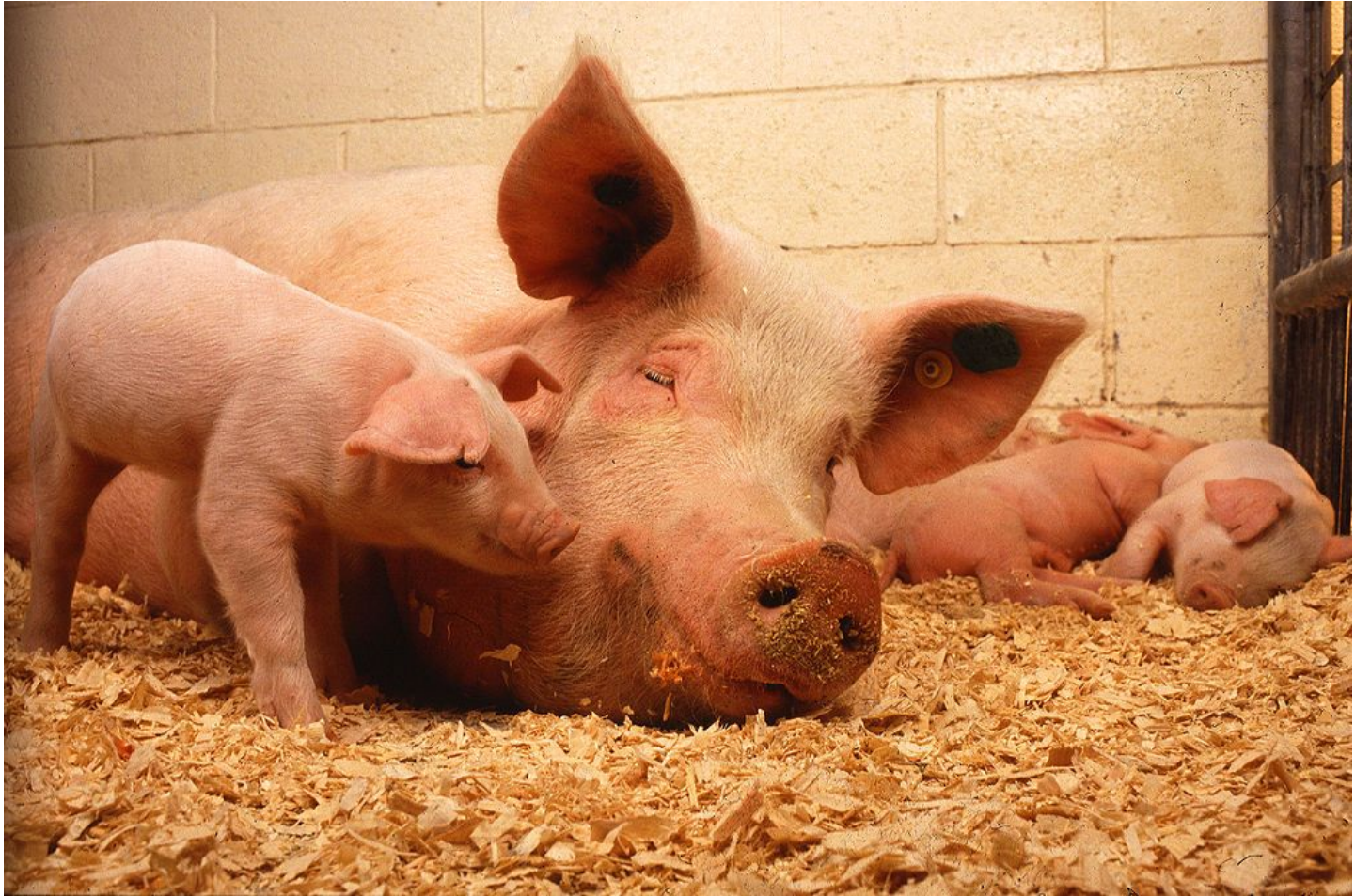
猫 māo



牛 niú



猪 zhū





羊 yáng



马 mǎ

